

**THÔNG BÁO KẾT LUẬN THANH TRA**

**Thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam**

Căn cứ Điều 39 Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 quy định công khai về kết luận thanh tra.

Căn cứ Văn bản số 5801/VPCP-V.I ngày 17/7/2013 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc xử lý sau thanh tra tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Trên cơ sở Kết luận thanh tra số 856/KL-TTCP ngày 17/4/2013, Tổng Thanh tra Chính phủ thông báo Kết luận thanh tra như sau:

**I. NỘI DUNG THANH TRA**

1. Về quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại VNPT và một số đơn vị thành viên.
2. Việc quản lý doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước tại VNPT và một số đơn vị thành viên.

**II. ƯU ĐIỂM VÀ NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM VI PHẠM PHÁT HIỆN QUA THANH TRA**

Trong những năm vừa qua, mặc dù hoạt động trong môi trường cạnh tranh gay gắt, tình hình kinh tế, thị trường trong và ngoài nước có nhiều biến động, nhưng VNPT đã có bước tăng trưởng và phát triển nhanh, bảo đảm tốt thông tin đối nội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh của đất nước; xây dựng ngành viễn thông và công nghệ thông tin liên tục phát triển với tốc độ nhanh, mạnh; duy trì và mở rộng các dịch vụ công ích đến tận các xã vùng sâu, vùng xa, địa bàn đặc biệt khó khăn. Đến nay, công nghệ viễn thông Việt Nam đã đạt mức cao của khu vực và là một trong các nước dẫn đầu về tốc độ phát triển viễn thông – công nghệ thông tin trong nhiều năm nay. Hiệu quả kinh doanh đạt mức tăng trưởng cao, vốn chủ sở hữu của Nhà nước tại doanh nghiệp tăng từ 36.955 tỷ đồng năm 2006 lên 69.498 tỷ đồng năm 2010; hệ số nợ phải trả ở mức đảm bảo chủ động về kế hoạch tài chính và thanh toán các khoản nợ vay, bảo toàn vốn, đồng thời một số chỉ tiêu cơ bản tăng qua các năm như: cơ sở hạ tầng viễn thông, số thuê bao điện thoại, doanh thu, nộp ngân sách Nhà nước, thu nhập bình quân của người lao động...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản từ năm 2006 đến năm 2011 VNPT và một số đơn vị thành viên còn để xảy ra những khuyết điểm, vi phạm sau đây:

## **1. Về quản lý, sử dụng vốn và tài sản**

### **1.1. Việc bàn giao vốn điều lệ cho VNPost và Quản lý các Quỹ**

- VNPT bàn giao vốn điều lệ cho VNPost chưa đúng thời gian quy định 796 tỷ đồng; trong đó, việc xác định giá trị chênh lệch 253,818 tỷ đồng của Công ty dịch vụ tiết kiệm Bru điện (VPSC) sau khi đánh giá lại trong tổng số 6.576 tỷ đồng vốn điều lệ VNPT đã bàn giao cho VNPost là chưa phù hợp do tài sản của Công ty VPSC thuộc VNPost (theo báo cáo của VNPT đến ngày 18/12/2012 đã chuyển giao đủ vốn điều lệ cho VNPost).

- VNPT chậm nộp quỹ VTCI 73,344 tỷ đồng (sau khi kết thúc thanh tra, ngày 21/9/2012, VNPT đã nộp đủ 73,344 tỷ đồng); chưa xác định số phải nộp Quỹ năm 2011 và 2012, riêng Công ty VMS đã trích vượt chi phí nộp quỹ VTCI đến năm 2011 193,721 tỷ đồng và chưa nộp năm 2011 496,645 tỷ đồng.

- Bộ Thông tin và Truyền thông chưa thực hiện đúng quy định về việc ban hành quyết định phê duyệt kế hoạch, dự toán, điều chỉnh, bổ sung kinh phí hỗ trợ; chưa quyết toán việc thu nộp Quỹ VTCI giai đoạn năm 2005 đến năm 2010 và chưa hướng dẫn thực hiện giai đoạn 2011 đến 2015, theo đó VNPT và Công ty VMS chậm nộp quỹ VTCI, chưa xác định số phải nộp năm 2011 và 2012.

### **1.2. Về quản lý đầu tư và mua sắm tài sản**

- Trong giai đoạn từ năm 2006 – 2011, VNPT đã triển khai thực hiện một số lượng dự án đầu tư lớn, quá trình thực hiện có nhiều dự án thay đổi mà chủ yếu là tăng tổng mức đầu tư; chậm tiến độ, trung bình thời gian chậm của mỗi dự án là 8,7 tháng, dẫn đến tăng chi phí đầu tư, giảm hiệu quả sử dụng vốn; chậm quyết toán vốn đầu tư, nhất là các dự án mua sắm thiết bị lớn.

- Tại một số dự án cụ thể: do việc chưa khảo sát, tính toán đến thực tế, khả năng phát triển và ảnh hưởng của mạng di động cũng như sức cạnh tranh của các mạng thuê bao khác; việc đánh giá xu hướng phát triển của thị trường viễn thông chưa tốt, chưa đánh giá đúng, sát về xu hướng thay đổi công nghệ, xu hướng giảm giá cước viễn thông chung trên các mạng; quá trình thực hiện đầu tư chưa tuân thủ nghiêm các quy định về trình tự, thủ tục đầu tư v.v. dẫn đến một số vật tư, thiết bị mua về không sử dụng hết, kinh doanh khai thác kém hiệu quả, phải dừng đầu tư, gây lãng phí, thiệt hại về vốn như: dự án cáp đồng còn tồn kho vật tư cáp các loại trị giá 70,497 tỷ đồng; dự án Cityphone lỗ và tài sản không khấu hao hết tổng cộng 168,522 tỷ đồng.

Dự án đầu tư tuyến cáp quang biển trục Bắc – Nam với tổng mức đầu tư gần 3000 tỷ đồng bằng nguồn vốn vay ODA của Nhật Bản đã chậm tiến độ gần 10 năm. Nguyên nhân chủ yếu là: khâu khảo sát, thiết kế, lập dự toán, thẩm tra, phê duyệt thực hiện kéo dài từ năm 2004 đến năm 2007; VNPT chưa tổ chức thực hiện đúng các yêu cầu quy định, sau nhiều lần đôn đốc của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông và Đại sứ quán Nhật Bản nhưng dự án vẫn chưa thực hiện xong giai đoạn đấu thầu, làm ảnh hưởng tới hiệu quả của dự án và môi trường đầu tư trong việc sử dụng nguồn vốn ODA.

Việc quyết định đầu tư dự án Vinasat I, II với tổng mức đầu tư 9.280 tỷ đồng, tuy đạt được mục tiêu về chính trị - xã hội, khẳng định chủ quyền của Quốc gia đối với nguồn tài nguyên trên quỹ đạo vệ tinh, đảm bảo yêu cầu về thông tin vệ tinh phục vụ an ninh, quốc phòng, phòng chống thiên tai... nhưng

đến thời điểm năm 2011 chưa đảm bảo hiệu quả kinh doanh như kế hoạch trong dự án được phê duyệt, lỗ vượt dự kiến 329 tỷ đồng.

### **1.3. Về quản lý đầu tư tài chính dài hạn**

Việc đầu tư tài chính dài hạn tại các doanh nghiệp ngoài VNPT (chủ yếu là các đơn vị hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực bưu chính – viễn thông): đến thời điểm 31/12/2011, VNPT đã đầu tư góp vốn vào 86 doanh nghiệp với tổng giá trị 3.273,23 tỷ đồng, trong đó: 38 doanh nghiệp thu được 322 tỷ đồng lợi nhuận với tỷ suất bình quân 15,64%; 28 doanh nghiệp với giá trị đầu tư 196 tỷ đồng nhưng lợi nhuận thu được thấp (tỷ suất bình quân chỉ đạt 3,16%) và 20 doanh nghiệp khác và quỹ với giá trị đầu tư 723,8 tỷ đồng trong thời gian dài (từ 3 đến 5 năm) không thu được lợi nhuận, gây lãng phí vốn đầu tư.

VNPT chưa thực hiện nghiêm và đầy đủ trình tự, thủ tục theo Nghị định của Chính phủ và quy định của Bộ Tài chính về việc thoái vốn đầu tư ngoài ngành nghề kinh doanh chính đối với 11 đơn vị. Đáng lưu ý là các sai phạm, yếu kém trong quản lý tại Công ty Tài chính Bưu điện, dẫn đến kết quả kinh doanh thua lỗ, mất vốn lớn đã được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán, kết luận.

### **1.4. Về Quản lý và sử dụng đất đai**

VNPT cùng với các đơn vị thành viên đã và đang quản lý 7.331.988,61m<sup>2</sup> đất, từ khi có Quyết định số 09/2007/QĐ-TTg ngày 19/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp, xử lý nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước và sau khi chia tách VNPost (năm 2008) đến nay (hơn 5 năm), nhưng chưa có số liệu, hồ sơ đầy đủ, chính xác về quản lý, sử dụng đất đai tập trung tại Tập đoàn. Trong đó: chưa có quyết định chia tách đất sử dụng đối với 19 đơn vị bưu chính - viễn thông tỉnh, thành phố, dẫn đến thiếu hồ sơ pháp lý về đất và tài sản trên đất của một số đơn vị hạch toán phụ thuộc, liên doanh, cổ phần, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; phản ánh số dư, giá trị tài sản cố định vô hình trên báo cáo tài chính về quyền sử dụng đất không đầy đủ nội dung, chưa chính xác; quản lý, sử dụng khu C30 tại thành phố Hồ Chí Minh có diện tích hơn 40ha, trong thời gian dài chưa hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, công tác quản lý chưa chặt chẽ, sử dụng đất không đúng mục đích.v.v.

## **2. Việc quản lý doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước**

### **2.1. Đối với VNPT:**

- Việc điều tiết doanh thu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc từ năm 2006 đến 2010 (mỗi năm bình quân khoảng 1 đến 2 ngàn tỷ đồng), hạch toán tăng doanh thu cuối năm 2011 bằng việc xuất thẻ di động trả trước hơn 4.496 tỷ đồng, dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh trên báo cáo tài chính hàng năm của các đơn vị chưa đúng với thực tế, làm giảm tính chủ động, linh hoạt của các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, có đơn vị kinh doanh có lãi trở thành lỗ và ngược lại.

- Khi hợp nhất báo cáo tài chính của các đơn vị phụ thuộc, VNPT chưa loại trừ hết các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ các năm từ 2006 đến 2011 (như: năm 2006, nợ phải thu chưa loại trừ 148,9 tỷ đồng, phải trả 49 tỷ đồng, năm 2010, nợ phải thu chưa loại trừ 490,2 tỷ đồng, phải trả 398,2 tỷ đồng ...);

hạch toán doanh thu, chi phí tại một số đơn vị được thanh tra không đúng thời điểm các năm từ 2006 đến năm 2011 (như: năm 2006 giảm 83,44 tỷ đồng, năm 2009 tăng 275,436 tỷ đồng); chưa điều chỉnh số liệu doanh thu và chi phí chuyển sang năm sau theo kết quả kiểm toán các năm từ 2006 đến 2011, dẫn đến tài sản, nguồn vốn và kết quả kinh doanh của VNPT trên báo cáo tài chính thiếu chính xác (như: năm 2006 tăng 111,302 tỷ đồng, năm 2010 tăng 17,560 tỷ đồng) (*chi tiết tại phụ lục 01*).

- Phân bổ vào chi phí tài chính khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền gửi ngắn hạn năm 2006 trị giá 25,586 tỷ đồng không đúng quy định, giảm lợi nhuận, thiếu thuế thu nhập doanh nghiệp 7,184 tỷ đồng.

- Trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thiếu so với quy định lũy kế đến năm 2011 là 202,462 tỷ đồng; thực hiện xử lý công nợ phải thu khó đòi tại nhiều đơn vị chưa đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định; chưa thực hiện nghiêm việc xử lý trách nhiệm đối với những đơn vị và cá nhân liên quan trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh, hợp đồng thu cước viễn thông..., dẫn đến phát sinh công nợ khó đòi giá trị lớn (như: Công ty Viễn thông Quốc tế...)

- Trích vượt Quỹ khen thưởng phúc lợi, theo đó thiếu Quỹ đầu tư phát triển năm 2007 là 567,275 tỷ đồng và năm 2009 là 532,836 tỷ đồng, tổng cộng 2 năm là 1.100,111 tỷ đồng.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của VNPT từ năm 2006 đến năm 2010 không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận đề ra, dẫn đến vốn chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31/12/2010 chưa bổ sung đủ, thiếu 2.739 tỷ đồng so với quy định tại Văn bản số 307/VPCP-KTTH ngày 14/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt tăng vốn điều lệ được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế các năm 2009 và năm 2010, nhưng VNPT chưa có văn bản báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Tài chính. Theo đó, việc thực hiện trích quỹ lương theo doanh nghiệp xếp loại A là không đúng quy định tại Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06/10/2006 của Thủ tướng Chính phủ.

## **2.2. Đối với các đơn vị thành viên:**

- Một số đơn vị hạch toán phụ thuộc VNPT đã chi phí khuyến mại vượt thời gian quy định, không phát sinh nguồn thu dẫn đến phải chịu thuế thu nhập tăng thêm 1.918,37 tỷ đồng.

- Công ty VMS thực hiện khuyến mại vượt giới hạn giá trị dịch vụ so với quy định (từ năm 2006 đến 2011) là 6.336,211 tỷ đồng và hạch toán doanh thu dịch vụ di động trả trước khi chưa cung cấp dịch vụ 1.010 tỷ đồng. Dẫn đến phải nộp thêm một khoản thuế thu nhập, làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp.

- Một số đơn vị được thanh tra đã kê khai, nộp thuế chưa đúng quy định gồm: thuế thu nhập doanh nghiệp tại VNPT Hà Nội năm 2006 là 28,651 tỷ đồng, VNPT Bình Dương 13,475 tỷ đồng; một số đơn vị chưa kê khai thuế VAT đối với khoản doanh thu khuyến mại 57,514 tỷ đồng và kê khai, nộp thuế sai mức thuế suất 0,258 tỷ đồng (*chi tiết tại phụ lục 02*).

## **III. KIẾN NGHỊ**

Căn cứ Kết luận thanh tra, Tổng Thanh tra Chính phủ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ và VNPT thực hiện một số nội dung sau đây:

### **1. Đối với các Bộ**

- Bộ Thông tin và Truyền thông:

+ Thẩm định và đề xuất Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tổ chức, sắp xếp lại mô hình hoạt động của VNPT, ban hành, điều chỉnh cơ chế nhất là đối với các đơn vị hạch toán phụ thuộc do đã bộc lộ nhiều hạn chế trong quản lý, thiếu tự chủ trong hoạt động kinh doanh, đánh giá thiếu chính xác, khách quan về hiệu quả kinh doanh và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị. Đồng thời, nâng cao hiệu lực, hiệu quả bằng việc phân cấp cụ thể, chặt chẽ hơn nữa về quyền, trách nhiệm quản lý Nhà nước chuyên ngành của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Rà soát, điều chỉnh các quy định về quảng cáo, khuyến mại, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng cho các doanh nghiệp. Phối hợp với các Bộ Tài chính và Tài nguyên - Môi trường ban hành cơ chế, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn về công tác đầu tư, quản lý đất đai; chỉ đạo VNPT lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch, kế hoạch phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật mạng viễn thông, trong đó có nội dung về phạm vi, loại công trình chiếm đất trình cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

- Bộ Tài chính: rà soát lại các quy định của Chuẩn mực kế toán, chế độ hạch toán kế toán và xử lý các khoản doanh thu, chi phí đối với dịch vụ viễn thông nhất là doanh thu, chi phí khuyến mại, chỉ tiêu đánh giá xếp loại doanh nghiệp nhằm đảm bảo tính chính xác và khách quan. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo VNPT rà soát, điều chỉnh và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các nội dung khác đã phát hiện qua thanh tra liên quan đến trách nhiệm của hai Bộ.

## **2. Đối với VNPT**

Kiểm điểm và chỉ đạo thực hiện kiểm điểm trách nhiệm cá nhân tại Công ty Mẹ và đơn vị thành viên liên quan đến những khuyết điểm, vi phạm trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nêu trong phần kết quả thanh tra. Trong quá trình kiểm điểm đặc biệt chú ý đến các sai phạm trong đầu tư mua sắm và đầu tư tài chính, những sai phạm cụ thể tại Công ty Tài chính Bưu điện, Công ty Viễn thông Quốc tế (VTI).

## **3. Về xử lý kinh tế** (chi tiết theo phụ lục 02 kèm theo)

- Xử lý thu hồi về ngân sách nhà nước các khoản về thuế do VNPT và các đơn vị thành viên chưa thực hiện và thực hiện chưa đúng quy định trị giá **105,836 tỷ đồng** (trong đó: VAT là 57,772 tỷ đồng; thuế thu nhập doanh nghiệp là 48,064 tỷ đồng);

- Giao Bộ Tài chính chủ trì đề xuất giải pháp và xử lý theo thẩm quyền các khoản:

+ Bổ sung vốn điều lệ còn thiếu **2.739 tỷ đồng** so với quy định tại Văn bản số 307/VPCP-KTTH ngày 14/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi đã trích lập dự phòng tại Công ty VTI **45.963.484,25 USD**.

- Giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì đề xuất biện pháp và xử lý theo thẩm quyền các khoản:

+ Giá trị dịch vụ viễn thông công ích còn chưa thanh toán cho VNPT **111 tỷ đồng**.

+ Giá trị sản lượng dịch vụ viễn thông công ích được Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích thuộc Bộ đã ký hợp đồng và VNPT đã thực hiện lớn hơn giá trị dự toán được duyệt **453,4 tỷ đồng**.

+ Quỹ Viễn thông công ích các đơn vị chưa nộp **496,645 tỷ đồng**.

- Giao VNPT đề xuất biện pháp, thực hiện xử lý theo trách nhiệm và thẩm quyền các khoản gồm:

+ Khoản trích vượt quỹ khen thưởng phúc lợi (2007 và 2009) **1.100,112 tỷ đồng**.

+ Trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi thiếu **202,462 tỷ đồng**.

+ Chênh lệch do xác lại định giá trị Công ty Tiết kiệm Bưu điện **253,818 tỷ đồng**.

+ Khoản công nợ phải thu khó đòi tại Công ty Eurasia (Đức) **244.272,99 USD**.

+ Các khoản thuế nộp thừa, chênh lệch lợi nhuận sau thuế chia theo vốn nhà nước, thiếu tiền trợ cấp dịch vụ bưu chính công ích v.v. (theo phụ lục 02).

#### **4. Về xử lý trách nhiệm.**

- Đối với Bộ Tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện và chỉ đạo thực hiện việc xử lý trách nhiệm đối với các cá nhân, đơn vị liên quan đến những khuyết điểm và vi phạm thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ được nêu trong kết luận thanh tra và Phụ lục số 02.

- Đối với VNPT thực hiện và chỉ đạo thực hiện xử lý nghiêm trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân thuộc thẩm quyền liên quan đến những khuyết điểm, vi phạm theo kết luận thanh tra và Phụ lục số 01, 02.

Trên đây là Thông báo Kết luận của Thanh tra Chính phủ về thanh tra việc chấp hành quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam./.

**KT. TỔNG THANH TRA  
PHÓ TỔNG THANH TRA**

#### **Nơi nhận:**

- Tổng TTCP (để b/c);
- Phó Tổng T.Tra Ngô Văn Khánh;
- Vụ KHTC&TH;
- Vụ GS, TĐ&XLSTT;
- Văn phòng TTCP;
- Trung tâm thông tin - TTCP;
- Lưu VT, Vụ I, Đoàn T.Tra.

**(đã ký)**

**Ngô Văn Khánh**